TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/DSST
Ngày: 24-8-2022
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Tấn Hoàng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Uyên và ông Huỳnh Công Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ý Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa*:** bà Ninh Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 48/2019/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2019, về việc *Tranh chấp quyền sử dụng đất và Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất''* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 194/2022/QĐST-DS ngày 19/5/2022, Thông báo thời gian mở phiên tòa số 306/TB ngày 01/8/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh N, sinh năm: 1929; Nơi cư trú: thôn V, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Nguyễn Văn M, sinh năm 1977; Nơi cư trú: thôn V, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vũ Xuân H, Luật sư thuộc văn phòng Luật sư H tỉnh Phú Yên. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1967; nơi cư trú: thôn V, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt

3. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân thị xã S, tỉnh Phú Yên; vắng mặt
3.2. Bà Trần Thị D, sinh năm: 1941; vắng mặt
3.3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1972; vắng mặt
3.4. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm; 1976; vắng mặt
3.5. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1979; vắng mặt
3.6. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1965; vắng mặt
3.7. Chị Nguyễn Thị B, sinh năm: 1991; vắng mặt
3.8. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1995; vắng mặt

3.9. Ông Nguyễn Văn X, sinh năm: 1950; vắng mặt
Đồng cư trú tại: thôn V, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.
3.10. Ông Nguyễn Bổn (chết)
3.11. Bà Nguyễn Thị L – 1947; Địa chỉ: tỉnh Khánh Hòa.
3.12. Bà Nguyễn Thị L1 (chết)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên Tòa nguyên đơn ông Nguyễn Minh N ủy quyền cho ông Nguyễn Văn M trình bày:

Ông nội ông là Nguyễn Văn T chết năm 1940 để lại một thửa đất thổ cư và giao lại cho cha ông là Nguyễn Văn M được thừa kế. Cụ M và cụ Huỳnh Thị S sống chung với nhau có 04 người con là Nguyễn Minh N, Nguyễn N là cha của bị đơn; Nguyễn Thị L1 (đã chết), và Nguyễn Thị L2 (đã chết). Năm 1960 cụ M chết để lại cho ông Nguyễn Minh N được thừa kế. Ngày 10/8/1997 họ tộc gồm Nguyễn Minh N, Nguyễn T (chết), Nguyễn Văn T (chết) và cháu Nguyễn Văn T1 (T1) họp lập biên bản thống nhất, xác định ông bà có để lại một khu đất thổ cư để phụng tự thờ cúng tổ tiên với diện tích 60m^2 tọa lạc tại thôn V, xã X, thị xã S có giới cận: Đông giáp nhà ông Lê Văn D, Tây giáp nhà ông Huỳnh Đ, Nam giáp nhà từ đường ông Đỗ T; Bắc giáp nhà ông Nguyễn M, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 75m^2.

Trong thời kì chiến tranh nhà từ đường bị hư hỏng xuống cấp, chưa xây dựng lại được khi nào đủ điều kiện sẽ xây dựng lại để thờ cúng tổ tiên. Ngày 10/9/1997 họ tộc lập Bản trí giao đất thổ cư cho ông Nguyễn Minh N nhận lãnh và toàn quyền sử dụng đất thổ cư. Năm 1997 ông tiến hành xây dựng lại nhà để thờ cúng thì Nguyễn Văn T1 tranh cản và cho rằng đã được UBND huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T1. Do đó nguyên đơn yêu cầu tòa hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Văn T1; buộc ông T1 phải trả lại cho ông 75m^2 gắn liền phần nhà ở bị xuống cấp để ông xây dựng nhà thờ cúng ông bà và ông đồng ý giao lại cho bị đơn 100.000.000đ.

Tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn T1 trình bày: Về quan hệ hàng thừa kế thống nhất như nguyên đơn trình bày. Nguồn gốc đất có từ đâu ông không biết vì lúc đó còn nhỏ; Ông sống chung cùng cha mẹ là cụ Nguyễn N1 (chết năm 1995), cụ Trần Thị D và 3 người em (Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thị Th) tại ngôi nhà cấp 4 gắn liền quyền sử dụng đất đang tranh chấp. Năm 1998 ông lập gia đình nên cha mẹ cùng các em chuyển đi nơi khác ở giao lại nhà, đất cho ông ở thờ cúng ông bà và đã được UBND thị xã S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bản trí giao đất thổ cư nhà ở ngày 10/9/1997 ông không biết và cũng không ký, nhà ở lâu năm xuống cấp nên ông tháo dỡ để xây dựng lại nhưng ông N cản trở nên chưa xây dựng được, yêu cầu của nguyên đơn là không có căn cứ nên ông yêu cầu tòa công nhận quyền sử dụng đất cho ông và ông đồng ý giao cho nguyên đơn 120 triệu đồng.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân thị xã S trình bày tại công văn 1027/UBND ngày 06/5/2021: loại đất hộ ông Nguyễn Văn T1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G675502 ngày 13/10/1997 là đất ở nông thôn, không thuộc trường

hợp cân đối đất, mà là căn cứ hiện trạng sử dụng đất để công nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời, vì đất có quan hệ thừa kế nên tại trang của Giấy chứng nhận có ghi rõ "Đất quan hệ thừa kế". Nay, nếu có có phát sinh tranh chấp thì đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh căn cứ quy định pháp luật để phân chia thừa kế.

- Ủy ban nhân dân xã X trình bày tại công văn 384/UBND ngày 09/4/2021: Theo phương án giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp của UBND xã X đã được phê duyệt, thì loại đất ở không phải là loại đất đưa vào cân đối để giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp, nên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G675502 cấp ngày 13/10/1997 cho hộ ông Nguyễn Văn T1 không thuộc trường hợp cân đối đất theo phương án đã được phê duyệt.

- Bà Trần Thị D trình bày: về quan hệ hàng thừa kế như nguyên đơn trình bày. Bà là vợ ông Nguyễn N1 sống chung với nhau có 04 người con là Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thị Th, đất tranh chấp là từ ông bà phía chồng giao lại và ở từ đó đến năm 1999 thì giao lại cho ông T1 nên yêu cầu của nguyên đơn là không có cơ sở, bà và 03 người con còn lại đều đồng ý giao cho ông T1 được quyền sở hữu nhà gắn liền quyền sử dụng đất và có trách nhiệm thờ cúng ông bà.

- Ông Nguyễn Văn X trình bày: Về quan hệ thừa kế đúng như nguyên đơn trình bày. Ông là con bà Nguyễn Thị L2 (chết năm 1961), việc tranh chấp của hai bên yêu cầu tòa xét xử theo pháp luật ông xin vắng mặt và cũng không tranh chấp, yêu cầu nguyên đơn và bị đơn nên thỏa thuận nhau để nhận tài sản, xây dựng lại nhà để thờ cúng ông bà.

- Bà Nguyễn Thị M (vợ ông Nguyễn Văn T1), chị Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Văn H (các con của ông T1) thống nhất như lời trình bày của bị đơn.

Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, người tham gia tố tụng là đúng qui định nhưng còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án. Về nội dung vụ án: Các biên bản họp tộc họ trên đều không phù hợp, nên yêu cầu của nguyên đơn là không có căn cứ đề nghị HĐXX không chấp nhận; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bị đơn chưa phù hợp đề nghị HĐXX xem xét; Đối với yêu cầu phản tố: Cụ M chết 1973, cụ S chết 1971, đều đã hết thời khởi kiện chia di sản thừa kế, ông T1 là người thừa kế đã sinh sống từ trước đến nay, theo Điều 623 Bộ luật dân sự, di sản thuộc về người quản lý là ông Nguyễn Văn T1 nên yêu cầu của bị đơn là có cơ sở. Ông T1 là người đương nhiên được hưởng di sản, ông T1 tự nguyện giao cho nguyên đơn 120 triệu cao hơn ½ giá trị di sản đã định giá, để giải quyết triệt để vụ án nên cần chấp nhận. Đồng thời tiếp tục giao quyền sở hữu nhà gắn liền quyền sử dụng đất cho bị đơn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Nguyễn Văn T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến các bên đương sự, Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Minh N khởi kiện ông Nguyễn Văn T1 yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất và hủy CNQSDĐ; ông Nguyễn Văn T1 có yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng đất cho ông nên cần xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"* thuộc thẩm quyền quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên theo khoản 3, 9 Điều 26, khoản 4 Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị xã S, Ủy ban nhân dân xã X, thị xã S có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự: các đương sự thống nhất khai cụ Nguyễn Văn M và cụ Huỳnh Thị S sinh thời có 04 người con là Nguyễn Minh N, Nguyễn N1 – cha ông Nguyễn Văn T1; Nguyễn Thị L1 (đã chết), và Nguyễn Thị L2 (đã chết). Bà L2 chết trước cụ M, cụ S và có 06 con người con Nguyễn Văn X, Nguyễn Thị L, Nguyễn B (đã chết) và 03 người chết khi còn nhỏ. Các đương sự không cung cấp được thông tin các con của bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị L. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, theo công văn số 2569/CATX-QLHC ngày 14/7/2022 của Công an thị xã S xác định không có thông tin này, nên xác định tư cách tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Văn T1 phải trả lại toàn bộ thửa đất số 112, tờ bản đồ 09, diện tích được cấp theo giấy chứng nhận 75m^2, tọa lạc tại thôn V, xã X, thị xã S tỉnh Phú Yên để xây dựng nhà thờ họ, bị đơn phản tố yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất. Về nguồn gốc thửa đất được các đương sự thừa nhận là của cha mẹ cụ Nguyễn Văn M, Huỳnh Thị S tạo lập, các cụ chết đều không để lại di chúc và các đồng thừa kế khi đó đều không có văn bản phân chia di sản. Xét "Biên bản hội hộp của trong tộc họ" đề ngày 10/08/97 với thỏa thuận của đại diện tộc họ tạm giao đất cho ông Nguyễn Văn T (Nguyễn Văn T1) để tạm thời hương khói ông bà để sau này xây dựng một nhà chính thức thờ cúng ông bà. Ngoài ra, nguyên đơn còn cung cấp một Biên bản trí giao đất thổ cư nhà ở (đề ngày 10/9/97) của tộc họ giao cho ông Nguyễn Minh N là tộc trưởng đảm nhận lãnh thổ cư để sau này xây dựng nhà ở thờ cúng ông bà tổ tiên tại thôn V, diện tích 60m^2. Biên bản được xác nhận bởi UBND xã C, thành phố C, tỉnh K ngày 13/9/1997 (Nơi cư trú của ông Nguyễn Th1, ông Nguyễn Văn Th2) và ban nhân dân thôn V, UBND xã X, huyện S xác nhận (ngày 03/10/97). Thời điểm họ tộc giao cho ông N quyền trông coi, quản lý đất họ tộc, Luật Đất đai năm 1993 không quy định về đất tín ngưỡng nhưng việc sở hữu chung của dòng họ là phù hợp với các quy định hiện hành tại Điều 160 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 211 Bộ luật dân sự năm 2015: *Sở hữu chung của cộng đồng là sở hữu của dòng họ đối với tài sản được hình thành theo tập*

quán, tài sản do các thành viên của cộng đồng cùng nhau đóng góp, quyên góp, được tặng cho chung hoặc từ các nguồn khác phù hợp với quy định của pháp luật nhằm mục đích thỏa mãn lợi ích chung hợp pháp của cộng đồng. Căn cứ các quy định này, việc hình thành tài sản là sở hữu của dòng họ, trong trường hợp này là đất xây dựng nhà thờ họ phải là tài sản do các thành viên của cộng đồng đóng góp mục đích thỏa mãn lợi ích chung hợp pháp của cộng đồng. Nguồn gốc đất là của cụ M, cụ S để lại nhưng chỉ có ông N đề nghị xác định đây là đất của dòng họ, ông T1 và các người con còn lại của ông Ngưỡng, ông Xu là con của bà L1 không đồng ý xác định đây là đất dòng họ nên việc xác định đất dòng họ không làm thỏa mãn lợi ích chung của những người này. Xét Biên bản họp tộc họ đề ngày 10/08/97; Biên bản trí giao đất thổ cư nhà ở (đề ngày 10/9/97) của tộc họ, nguyên đơn dựa vào các biên bản này để yêu cầu trả đất. Hai biên bản này chỉ có các ông N, Th1, Th2 kí biên bản, ông T1 không kí. Ông Th1, ông Th2 không phải là con của cụ M, cụ S nên không phải là người thừa kế thứ nhất của cụ M, cụ S nên không có quyền tham gia, ông N1 chết không để lại di chúc nhưng những người thừa kế của ông N1 không có ý kiến đồng ý, nên các biên bản họp tộc họ trên đều không phù hợp. Do đó, yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn T1 trả lại đất để xây dựng nhà thờ họ là không cơ sở.

Các đương sự đều không yêu cầu chia di sản thừa kế, tuy nhiên bị đơn ông Nguyễn Văn T1 có yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất đang tranh chấp do đất của ông bà, cha mẹ để lại đã sử dụng ổn định, lâu dài. Thấy rằng, cụ Nguyễn Văn M chết năm 1973, cụ Huỳnh Thị S chết năm 1971, theo khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế, hết thời hạn này thì di sản thuộc về người thừa kế đang quản lý di sản đó. Đến nay (đơn phản tố đề ngày 03/6/2022) thời hiệu chia di sản thừa kế đối với cụ M và cụ S đã hết. Theo hồ sơ địa chính được lưu tại UBND xã X, thị xã S, ông Nguyễn Văn T1 đăng ký kê khai tại các Sổ địa chính, sổ mục kê, sổ dã ngoại mà không xảy ra tranh chấp. Ông Nguyễn Văn T1 là con ông Nguyễn N1, được gia đình thống nhất giao quyền quản lý thửa đất, thực tế ông T1 vẫn sử dụng liên tục thửa đất này đến khi xảy ra tranh chấp năm 2019 , nên cần xác định ông T1 là người thừa kế đang quản lý di sản là hoàn toàn có cơ sở. Ông T1 yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 112, tờ bản đồ 09, diện tích được cấp theo giấy chứng nhận 75m^2, tọa lạc tại thôn V, xã X, thị xã S tỉnh Phú Yên là có căn cứ.

Xét việc ông T1 tự nguyện giao số tiền 120 triệu đồng (cao hơn ½ giá trị định giá thửa đất) cho ông N để tiếp tục được quyền sử dụng đất gắn liền nhà ở là phù hợp nên được ghi nhận.

[2.3] Theo biên bản định giá tài sản ngày 19/6/2020, tài sản trên đất hiện có vết tích nhà cũ đã bị sập và không còn giá trị, tường rào bao quanh 2 mặt cũng không còn giá trị, Hội đồng thống nhất không định giá. Nguyên đơn cho rằng nhà được xây từ thời pháp thuộc, bị đơn cho rằng nhà do ông Nguyễn N1 xây dựng năm 1982, hiện nay tài sản trên đất tranh chấp không còn giá trị, nên cần giao cho ông T1 được quyền sở hữu gắn liền quyền sử dụng đất.

[2.4] Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thấy rằng: Theo các tài liệu đã viện dẫn trên thể hiện tại công văn 1027/UBND ngày 06/5/2021 của UBNDthị xã S xác định: *"loại đất hộ ông Nguyễn Văn T1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G675502 ngày 13/10/1997 là đất ở nông thôn, không thuộc trường hợp cân đối đất, mà là căn cứ hiện trạng sử dụng đất để công nhận quyền sử dụng đất";* Ủy ban nhân dân xã X trình bày tại công văn 384/UBND ngày 09/4/2021: *"giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 576602 cấp ngày 13/10/1997 cho hộ ông Nguyễn Văn T1 không thuộc trường hợp cân đối đất theo phương án đã được phê duyệt"*, nên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G675502 ngày 13/10/1997 được UBND huyện S cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T1 là không đúng thủ tục quy định. Tuy nhiên như đã phân tích trên, yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn T1 có căn cứ để chấp nhận, nên không cần thiết hủy giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số G675502 ngày 13/10/1997 do Ủy ban nhân dân huyện S cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T1, ông T1 có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền thực hiện chỉnh lý, điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi có yêu cầu.

[3] Về chi phí thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và án phí: đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 221, 234, 616, khoản 1 Điều 623, điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26, 100, 160 Luật đất đai năm 2013; Điều 26, 34, 147, 157, 165 BLTTDS năm 2015; Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh N về việc: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G675502 ngày 13/10/1997 của UBND huyện S cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T1 diện tích 75m^2 thửa số 112, tờ bản đồ 9, mục đích sử dụng (T) và yêu cầu giao lại quyền sử dụng đất cho họ tộc do ông đại diện quản lý và xây dựng nhà thờ họ. Vì không có căn cứ pháp luật.

[2] Công nhận toàn bộ tài sản nhà ở, vật kiến trúc gắn liền quyền sử dụng đất 75m^2 thuộc thửa số 112, tờ bản đồ 09, tọa lạc tại thôn V, xã X, thị xã S tỉnh Phú Yên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G675502 ngày 13/10/1997 của UBNDthị xã S cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T1.

Ông Nguyễn Minh N và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không được cản trở quyền sở hữu nhà gắn liền quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn T1.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn T1 giao cho ông Nguyễn Minh N số tiền 120.000.000đ *(Một trăm hai mươi triệu đồng).*

Ông Nguyễn Văn T1 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi có yêu cầu.

[3] Về chi phí đo đạc và định giá tài sản: Mỗi bên phải chịu 3.000.000đ ông Nguyễn Minh N đã nộp tạm ứng 6.000.000đ, nên ông Nguyễn Văn T1 phải hoàn lại cho ông N 3.000.000đ *(Ba triệu đồng).*

[4] Về án phí:

Ông Nguyễn Minh N là người cao tuổi nên được miễn án phí. Hoàn lại cho ông Nguyễn Minh N 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp ở biên lai thu tiền án phí, lệ phí tòa án số 0013083 ngày 25/6/2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn T1 300.000đ tiền tạm ứng án phí. Đã nộp ở biên lai thu tiền án phí, lệ phí tòa án số 0000011 ngày 03/6/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Công Trí **Nguyễn Ngọc Uyên** **Mai Tấn Hoàng**

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng(2);
- VKSND tỉnh Phú Yên(2);
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- P.NVKT;
- Các đương sự;
- Lưu AV, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Mai Tấn Hoàng